

Số: /GPMT-UBND

Phú Thọ, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 2411/QĐ-BTNMT ngày 27/8/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Dự án Mentech”;

Căn cứ Giấy phép môi trường số 209/GPMT-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) về việc cấp giấy phép môi trường cho Cơ sở Nhà máy Mentech;

Xét đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam tại Văn bản số 12./CV-MVN ngày 03/9/2025 và hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 635/TTr-SNNMT ngày 17/9/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam, địa chỉ tại Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ được thực

hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với cơ sở Nhà máy Mentech tại Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ, với các nội dung chính sau:

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy Mentech.

1.2. Địa điểm hoạt động: Gồm 02 địa điểm:

- Địa điểm 1 thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc tại KCN Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.

- Địa điểm 2 thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam) tại Lô R, KCN Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 2500640146 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cũ (*nay là Sở Tài chính tỉnh Phú Thọ*) cấp đăng ký lần đầu ngày 25/12/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 13/9/2024; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 1018544089 do Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/12/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 29/01/2024.

1.4. Mã số thuế: 2500640146.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất, gia công modul quang và linh kiện, thiết bị quang khác; sản xuất, gia công linh kiện điện tử dùng cho các sản phẩm điện tử viễn thông và cho sản phẩm điện; Sản xuất, gia công bộ đổi nguồn dùng cho điện thoại di động, máy tính và các thiết bị điện tử khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

a) *Phạm vi*: Cơ sở có tổng diện tích sử dụng là 9.526 m², được thực hiện tại 02 địa điểm, trong đó:

* *Địa điểm 1*: Nhà xưởng thuê của Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc tại Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ, với diện tích 6.590m² (*theo Hợp đồng thuê xưởng số 01.01HĐKT.24/VNSU-FSID-MENTECH/01 ngày 01/01/2024 giữa Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần điện tử Mentech Việt Nam*).

* *Địa điểm 2*: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam), Lô R, Khu công nghiệp Bình Xuyên, xã Xuân Lãng, tỉnh Phú Thọ, có diện tích nhà xưởng 2.936 m² (*theo Hợp đồng thuê xưởng số 0923/MT-PF ngày 05/9/2023 giữa Công ty TNHH Công nghiệp (Việt Nam) và Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam*).

b) *Quy mô*: Cơ sở thuộc nhóm C (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*); nhóm III theo tiêu chí quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) *Công suất sản xuất của cơ sở*:

* *Địa điểm 1*:

- Sản xuất, gia công linh kiện điện tử dùng cho các sản phẩm điện tử viễn thông và cho sản phẩm điện: 147.900.000 sản phẩm/năm .

- Sản xuất, gia công bộ đổi nguồn dùng cho điện thoại di động, máy tính và các thiết bị điện tử khác gồm: Đầu sạc trên ô tô, sạc không dây cho điện thoại di động, củ sạc điện thoại, bộ đổi nguồn máy tính: 20.000.000 sản phẩm/năm.

- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa phục vụ cho ngành sản xuất, gia công linh kiện điện, điện tử, thiết bị viễn thông bao gồm: Máy biến áp, điện cảm, bộ lọc, đầu nối, sạc, bộ đổi nguồn; modul quang, linh kiện quang, thiết bị quang khác; bản mạch có gắn linh kiện (PCBA), bộ dây nhảy quang viễn thông: 185.500.000 sản phẩm/năm.

** Địa điểm 2:*

- Sản xuất, gia công modul quang và linh kiện, thiết bị quang khác: 16.000.000 sản phẩm/năm.

- Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn (không thành lập cơ sở bán buôn) các hàng hóa phục vụ cho ngành sản xuất, gia công linh kiện điện, điện tử, thiết bị viễn thông bao gồm: Máy biến áp, điện cảm, bộ lọc, đầu nối, sạc, bộ đổi nguồn; modul quang, linh kiện quang, thiết bị quang khác; bản mạch có gắn linh kiện (PCBA), bộ dây nhảy quang viễn thông: 80.000.000 sản phẩm/năm.

d) Quy trình sản xuất:

** Địa điểm 1:*

- Quy trình sản xuất, gia công bộ đổi nguồn: Nạp bảng mạch PCB → Cắm linh kiện bằng máy → in kem hàn → Dán linh kiện tự động → Làm khô kem hàn → Kiểm tra ngoại quan → Cắm linh kiện thủ công → Hàn chân linh kiện → Kiểm tra ngoại quan → Cắm linh kiện thủ công → Hàn chân linh kiện → Kiểm tra → Hàn sửa → Kiểm tra tính năng → Tra keo cố định linh kiện → Tách bảng mạch → Hàn dây DC → Tra keo cố định đầu dây DC → Lắp vỏ nhựa và hàn vỏ → Khắc thông tin lên vỏ nhựa → Lão hóa → Kiểm tra tính năng → Đóng gói, nhập kho.

- Quy trình sản xuất, gia công linh kiện điện tử: Chuẩn bị nguyên vật liệu → (Cuộn dây sơ cấp → Cuộn băng dính → Bóc vỏ đầu dây sơ cấp → Hàn thiếc sơ cấp → Cắt chân PIN cuộn sơ cấp → Hiệu chỉnh) + (Nhúng thiếc chân PIN thứ cấp → Lắp cuộn từ → Kiểm tra ngoại quan → Cuộn dây thứ cấp → Bóc vỏ và hàn thiếc đầu dây thứ cấp → Tra keo cố định) → Lắp cuộn sơ cấp và thứ cấp vào lõi từ → Mài chỉnh điện cảm → Kiểm tra → Lắp chân PIN đàn hồi → Tra keo → Sấy khô keo → Cắt chân PIN → Kiểm tra → In thông tin lên sản phẩm → Đóng gói → Nhập kho, xuất hàng.

** Địa điểm 2:*

- Quy trình sản xuất, gia công modul quang: Chuẩn bị nguyên vật liệu → Sấy bản mạch in mềm → Hàn FPC lên PCBA → Hàn FPC lên BOSA (có công đoạn linh kiện quang BOSA → cắt chân) → Kiểm tra → Lắp ráp (có công đoạn

Băng in, giấy dán nhãn, mực in dạng rắn → Máy in tem → Dán tem lên nắp dưới) → Lắp ráp modul → Làm sạch lỗ thông quang → Xử lý nhiệt → Điều chỉnh tính năng → Lão hóa → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho chờ xuất hàng.

- Quy trình sản xuất, gia công linh kiện quang và thiết bị quang khác: Chuẩn bị nguyên vật liệu → Lắp tấm lọc và bộ cách ly vào đế → Cố định linh kiện → Kiểm tra → Lắp và hàn ống LD vào đế → Khắc thông tin sản phẩm → Lắp và hàn đuôi cáp quang, vòng điều chỉnh vào đế → Kiểm tra ngoại quan → Lắp và cố định ống PD vào đế → Sấy keo → Xử lý nhiệt sản phẩm → Kiểm tra tính năng → Dán tem (có công đoạn In tem) → Cắt chân ống LD → Hàn FPC lên ống LD → Kiểm tra → Đóng gói, nhập kho chờ xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả thải chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường;

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Giấy phép môi trường số 209/GPMT-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc (cũ) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT;
- CVP, các PCVP;
- Các sở, ngành: NN&MT, XD, Công Thương; Tài chính;
- Ban quản lý các KCN;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Xuân Lãng;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Trung tâm TTCB (Cổng TTĐT tỉnh) đăng tải;
- Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam;
- Lưu: VT, NN2._(ĐDH)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (*Do nước thải phát sinh từ cơ sở được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc (đối với địa điểm 1) và Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam) (đối với địa điểm 2). Nước thải sau khi xử lý được thu gom, đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bình Xuyên, không xả thải ra môi trường).*

* **Đối với địa điểm 1:** Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc chịu trách nhiệm xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam theo nội dung Hợp đồng đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chung của Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc số 01/HĐ-XLNTVNS ngày 02 tháng 03 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc và Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam.

* **Đối với địa điểm 2:** Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam) chịu trách nhiệm xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam theo thỏa thuận tại Biên bản bàn giao số 2/BBBG-PRO ngày 03/5/2024 giữa Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam) và Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a) *Tại địa điểm 1*

* **Đối với nước thải sinh hoạt**

- *Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh:* Được thu gom và xử lý sơ bộ tại 02 bể tự hoại 3 ngăn (thể tích 20m³/bể) xây dựng ngầm bên dưới nhà xưởng thuê, sau đó theo đường ống PVC D110 có tổng chiều dài 513m, độ dốc 1,5% từ các bể tự hoại đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày đêm hiện có của công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Bình Xuyên.

- *Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các bồn rửa tay:* Được thu gom bằng đường ống PVC D110 dài 500m, độ dốc 1,5% dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày đêm hiện có của Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Bình Xuyên.

Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc chịu trách nhiệm xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở theo Hợp đồng số 01/VNSVP/2020 ký ngày 02/3/2020 giữa Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam và Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc.

* ***Đối với nước thải sản xuất:*** Toàn bộ hóa chất tẩy rửa phát sinh từ quá trình làm sạch jig của lò hàn sóng và làm sạch lưới in của máy in kem hàn định kỳ (khoảng 1-2 tháng/lần) được thu gom vào thùng chứa và lưu giữ tại kho lưu giữ chất thải nguy hại hiện có của cơ sở trước khi hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b) Tại địa điểm 2

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh của Dự án được thu gom qua hệ thống ống uPVC D110 dẫn vào bể tự hoại sử dụng chung với Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam), sau đó tiếp tục theo đường ống PVC D110 dài 50m, độ dốc 1,5% dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam) để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Bình Xuyên.

- Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam) – đơn vị cho thuê nhà xưởng chịu trách nhiệm xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án theo Hợp đồng số 0923/MT-PF ngày 05/9/2023 giữa Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam và Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Tại địa điểm 1

**** Bể tự hoại:***

- Số lượng: 02 bể.

- Thể tích: 20m³/bể.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Ngăn 1 → Ngăn 2 → Ngăn 3 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày đêm của Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc → Hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Bình Xuyên.

- Công nghệ xử lý: Xử lý sinh học.

- Hóa chất sử dụng: Không sử dụng.

* ***Công trình xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày đêm của Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc:***

- Công suất thiết kế: 100 m³/ngày đêm.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (MBBR) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Bình Xuyên.

- Công nghệ xử lý: Xử lý sinh học.

- Hóa chất sử dụng: Javen.

b) Tại địa điểm 2

*** Công trình xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm của Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam):**

- Công suất thiết kế: 80 m³/ngày đêm.

- Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Bình Xuyên.

- Công nghệ xử lý: Xử lý sinh học.

- Hóa chất sử dụng: Javen.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố: Do Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc và Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam) chịu trách nhiệm thực hiện.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Công ty Cổ phần Điện tử Mentech Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 100m³/ngày đêm của Công ty Cổ phần Vinastartup Vĩnh Phúc và hệ thống xử lý nước thải công suất 80m³/ngày đêm của Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam). Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Bình Xuyên trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ 03 lò hàn đối lưu (reflow), 02 máy hàn sóng, hàn thủ công và từ 04 buồng lão hóa và 15 vị trí hàn thủ công của dây chuyền sản xuất bộ đổi nguồn tại địa điểm 1.

- Nguồn số 2: Khí thải phát sinh từ 08 vị trí hàn thiếc, 11 máy nhúng thiếc và 02 máy bóc vỏ đầu dây thứ cấp của dây chuyền sản xuất linh kiện điện tử tại địa điểm 1.

- Nguồn số 3: Khí thải phát sinh từ 12 vị trí hàn thủ công và từ 03 máy sấy bản mạch của dây chuyền sản xuất modul quang, linh kiện quang và thiết bị quang khác tại địa điểm 2.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí, phương thức xả khí thải, chất lượng khí thải

2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí: Cơ sở có 03 dòng khí thải sau xử lý xả ra môi trường (*tương ứng với 03 ống khói*), cụ thể:

TT	Dòng khí thải	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3 ⁰)	Lưu lượng xả khí thải tối đa (m ³ /giờ)
1	Dòng khí thải số 1: Dòng khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải của dây chuyền bộ đổi nguồn tại địa điểm 1	X= 2351249.32; Y= 570009.60	25.000
2	Dòng khí thải số 2: Dòng khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải của dây chuyền sản xuất linh kiện điện tử tại địa điểm 1	X= 2351272.3; Y= 570008.6	30.000
3	Dòng khí thải số 3: Dòng khí thải sau xử lý tại HTXL khí thải của dây chuyền sản xuất modul quang, linh kiện quang và thiết bị quang tại địa điểm 2	X = 2351232.9; Y = 569291.8	8.000
	Tổng lưu lượng		63.000

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 63.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Gián đoạn theo ca sản xuất.

2.4. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường với lộ trình áp dụng như sau:

a) Từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2031: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo

đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số $K_p = 0,9$; $K_v = 1,0$ và QCVN 20:2009/BTNMT.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K _p =0,9, K _v =1,0)	QCVN 20:2009/BTNMT		
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180	-		
3	CO	mg/Nm ³	900	-		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450	-		
5	NO _x	mg/Nm ³	765	-		
6	Benzen	mg/Nm ³	-	5	01 năm/lần	
7	Toluen	mg/Nm ³	-	750		
8	Xylen	mg/Nm ³	-	870		

b) Từ ngày 01/01/2032 đến ngày giấy phép môi trường này hết hiệu lực: Giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (Cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2024/BTNMT, cột B bảng 1 và bảng 2)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m³/h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi (PM)	mg/Nm³	≤ 80		
3	CO	mg/Nm³	≤ 400		
4	SO₂	mg/Nm³	≤ 300		
5	NO _x	mg/Nm³	≤ 400		
6	Benzen	mg/Nm³	≤ 120	01 năm/lần	
7	Toluen	mg/Nm³	≤ 120		
8	Xylen	mg/Nm³	≤ 120		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

a) Mạng lưới thu gom khí thải tại địa điểm 1:

* Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất, gia công bộ đôi nguồn:

- Khí thải phát sinh từ 03 lò hàn đối lưu (reflow) tại tầng 1 của nhà xưởng thuê được thu gom bằng 06 ống bạc mềm đường kính 200mm dẫn vào đường ống nhánh bằng tôn mạ kẽm kích thước 200x250mm, 320x500mm sau đó thu gom vào đường ống tổng bằng tôn mạ kẽm kích thước 320x1250mm, đầu nối

vào đường ống tổng bằng tôn mạ kẽm D500, D630, D800 dẫn vào HTXL khí thải công suất 25.000 m³/giờ của dây chuyền sản xuất bộ đổi nguồn.

- Khí thải phát sinh từ 02 máy hàn sóng tại tầng 1 của nhà xưởng thuê được thu gom bằng 04 ống bạc mềm đường kính 200mm dẫn vào đường ống nhánh bằng tôn mạ kẽm kích thước 200x250mm, 320x500mm sau đó thu gom vào đường ống tổng bằng tôn mạ kẽm kích thước 320x1250mm, đầu nối vào đường ống tổng bằng tôn mạ kẽm D500, D630, D800 dẫn vào HTXL khí thải công suất 25.000 m³/giờ của dây chuyền sản xuất bộ đổi nguồn.

- Khí thải phát sinh từ 15 vị trí hàn thủ công tại tầng 1 của nhà xưởng tại địa điểm 1 được thu gom bằng 15 chụp hút bằng nhựa đường kính D200 dẫn vào đường 15 ống bạc mềm đường kính 200mm, sau đó dẫn vào hệ thống các đường ống nhánh bằng tôn mạ kẽm kích thước 200x250mm, 320x320mm, 320x500mm sau đó thu gom vào đường ống tổng bằng tôn mạ kẽm kích thước 320x630mm, 320x800mm, 320x1250mm, đầu nối vào đường ống tổng bằng tôn mạ kẽm D500, D630, D800 dẫn vào HTXL khí thải công suất 25.000 m³/giờ của dây chuyền sản xuất bộ đổi nguồn.

- Khí thải phát sinh từ 04 buồng lão hóa tại tầng 1 của nhà xưởng tại địa điểm 1 được thu gom bằng 24 ống tôn mạ kẽm kích thước 100x300mm, 100x500mm và 24 ống tôn mạ kẽm D200 dẫn vào đường ống nhánh bằng tôn mạ kẽm kích thước 320x400mm, 320x800mm sau đó thu gom vào đường ống tổng bằng tôn mạ kẽm kích thước 320x1250mm, đầu nối vào đường ống tổng bằng tôn mạ kẽm D500, D630, D800 dẫn vào HTXL khí thải công suất 25.000 m³/giờ của dây chuyền sản xuất bộ đổi nguồn.

* Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất, gia công linh kiện điện tử: Khí thải phát sinh từ 08 vị trí hàn thiếc, 11 máy nhúng thiếc và 02 máy bóc vỏ đầu dây thứ cấp được thu gom bằng 21 ống bạc mềm đường kính 100mm dẫn vào các đường nhánh bằng tôn mạ kẽm kích thước 320x400mm, sau đó dẫn vào đường ống tổng bằng tôn mạ kẽm kích thước 320x800mm đầu nối vào hệ thống xử lý khí thải công suất 30.000m³/giờ của dây chuyền sản xuất linh kiện điện tử.

b) *Mạng lưới thu gom khí thải tại địa điểm 2:* Khí thải phát sinh từ 12 vị trí hàn thủ công được thu gom bằng 12 chụp hút D230mm đầu nối vào 12 ống bạc mềm D110mm; khí thải phát sinh từ 03 máy sấy được thu gom bằng 03 ống bạc mềm D110mm dẫn vào đường ống tổng bằng tôn mạ kẽm kích thước 400x400mm sau đó đầu nối vào HTXL khí thải công suất 8.000 m³/giờ của cơ sở.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

a) *Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải tại địa điểm 1*

** Hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất, gia công bộ đổi nguồn:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút, ống hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí sạch ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 25.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

** Hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất, gia công linh kiện điện tử:*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút, ống hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí sạch ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

b) Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải tại địa điểm 2

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Chụp hút, ống hút → Đường ống dẫn khí → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát khí sạch ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ thay thế than hoạt tính trong các hệ thống xử lý theo đúng quy định.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Thường xuyên bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống theo đúng hướng dẫn của nhà cung cấp.

- Xây dựng phương án ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Trường hợp bụi, khí thải vượt giới hạn cho phép: Người vận hành kiểm tra quy trình vận hành, các thiết bị của hệ thống để xác định nguyên nhân và khắc phục sự cố.

- Tạm dừng hoạt động của máy móc và chỉ hoạt động trở lại sau khi khắc phục xong sự cố, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và hiệu quả.

4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

- Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm bao gồm:

+ 01 hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất, gia công bộ đôi nguồn (công suất 25.000m³/h) tại địa điểm 1.

+ 01 hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất, gia công linh kiện điện tử (công suất 30.000m³/h) tại địa điểm 1.

+ 01 HTXL khí thải công suất 8.000 m³/giờ của dây chuyền sản xuất, gia công modul quang và linh kiện quang, thiết bị quang khác tại địa điểm 2.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ) (Không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm).

- Vị trí lấy mẫu:
 - + Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất, gia công bộ đổi nguồn tại địa điểm 1.
 - + Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất, gia công linh kiện điện tử tại địa điểm 1.
 - + Tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất, gia công modul quang và linh kiện quang, thiết bị quang khác tại địa điểm 2.
- Tọa độ vị trí lấy mẫu: Tọa độ vị trí lấy mẫu theo mục I Phần B Phụ lục này.
- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Bụi tổng, CO; SO₂; NO_x; Benzen; Toluene; Xylen.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, hệ số K_p=0,9, K_v=1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT.
- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.
- Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình thu gom, xử lý khí thải.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN,
ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung		Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105 ^{00'} , múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
Nguồn số 1	Từ hoạt động của quạt hút tại HTXL khí thải dây chuyền bộ đổi nguồn tại địa điểm 1	2351249.32	570009.60
Nguồn số 2	Từ hoạt động của quạt hút tại HTXL khí thải dây chuyền sản xuất linh kiện điện tử tại địa điểm 1	2351272.3	570008.6
Nguồn số 3	Từ hoạt động của HTXL khí thải tại địa điểm 2	2351192.4	569303.4

2. Tiếng ồn, độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung với lộ trình áp dụng như sau:

2.1. Từ ngày giấy phép môi trường này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026: Giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

a) Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

b) Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

2.2. Từ ngày 01/01/2027 đến ngày giấy phép môi trường này hết hiệu lực: Giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị sản xuất; lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn thấp; các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao,...

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ rung thấp; lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc,...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:
 Chất thải nguy hại tại Cơ sở chủ yếu phát sinh từ hoạt động văn phòng và hoạt động sản xuất. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên như sau:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
A	ĐỊA ĐIỂM 1				
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	20
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	34
3	Dung dịch thải chứa thành phần nguy hại (dung dịch hóa chất làm sạch jig, lưới in thải)	Lỏng	03 01 03	NH	160
4	Thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	Rắn	19 02 06	NH	450
	Tổng khối lượng				664
B	ĐỊA ĐIỂM 2				
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	7,2
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	34
3	Thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	Rắn	19 02 06	NH	120
	Tổng khối lượng				161,2

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
A	ĐỊA ĐIỂM 1				
1	Bao bì mềm thải dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	KS	25
2	Than hoạt tính bị nhiễm các thành phần nguy hại, giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	18 02 01	KS	460
	Tổng khối lượng				485
B	ĐỊA ĐIỂM 2				
1	Bao bì mềm thải dính thành phần nguy hại	Rắn	18 01 01	KS	10
2	Than hoạt tính bị nhiễm các thành phần nguy hại, giẻ lau, găng tay dính dầu	Rắn	18 02 01	KS	60
	Tổng khối lượng				70

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh:
 - + Tại địa điểm 1: Trung bình khoảng 5.500 kg/năm.
 - + Tại địa điểm 2: Trung bình khoảng 1.095 kg/năm.
- Thành phần: Chủ yếu gồm túi nilon, bao bì mềm thải, giấy bỏ, vỏ phòng phẩm thải, nguyên vật liệu và sản phẩm lỗi không chứa thành phần nguy hại.

1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh:
 - + Tại địa điểm 1: Trung bình khoảng 825 kg/năm.
 - + Tại địa điểm 2: Trung bình khoảng 495 kg/năm.
- Thành phần chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, bao bì, túi nilon, giấy bỏ,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a) Tại địa điểm 1:

- Thiết bị lưu chứa:
 - + Đối với chất thải dạng lỏng như: Dầu thải và dung dịch hóa chất làm sạch jig, làm sạch lưới in thải được thu gom vào từng thùng nhựa có nắp đậy riêng biệt, dung tích 200 lít đặt trong kho lưu giữ chất thải nguy hại.
 - + Đối với các loại chất thải nguy hại khác: Được thu gom, phân loại vào các thùng chứa bằng nhựa dung tích 120 lít.
- Kho lưu chứa:
 - + 01 kho lưu chứa trong nhà có diện tích 8m²;
 - + Thiết kế, cấu tạo: Khung thép, mái tôn, tường tôn bao quanh, nền inox. Bên trong và bên ngoài kho có dán biển cảnh báo theo đúng quy định.
 - Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

b) Tại địa điểm 2:

- Thiết bị lưu chứa:
 - + Đối với chất thải dạng lỏng như: Dầu thải được thu gom vào từng thùng nhựa có nắp đậy riêng biệt, dung tích 200 lít đặt trong kho lưu giữ chất thải nguy hại.
 - + Đối với các loại chất thải nguy hại khác: Được thu gom, phân loại vào các thùng chứa bằng nhựa dung tích 120 lít.
- Kho lưu chứa:

+ Kho lưu chứa trong nhà: 01 kho lưu chứa có diện tích $3,5\text{m}^2$ (bố trí tại 01 góc riêng bên trong kho lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 20m^2 của Công ty TNHH Công nghiệp Profiber (Việt Nam).

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho có kết cấu tường bao bằng gạch, trần bê tông, nền bê tông chống thấm, cửa thép chống cháy; bên trong có bố trí các thùng chứa bằng nhựa cứng. Bên trong và ngoài cửa kho có dán đầy đủ biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

a) Tại địa điểm 1:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng, bao tải, túi nilon.

- Kho lưu chứa:

+ 01 kho lưu chứa trong nhà diện tích 8 m^2 .

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: Khung thép, mái tôn, tường tôn bao quanh, nền inox. Bên ngoài kho có dán biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

b) Tại địa điểm 2:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng, bao tải, túi nilon.

- Kho lưu chứa:

+ 01 kho lưu chứa trong nhà diện tích 20 m^2 .

+ Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa: có kết cấu tường bao bằng gạch, trần bê tông, nền bê tông chống thấm, cửa thép chống cháy. Bên ngoài cửa kho có dán đầy đủ biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a) Tại địa điểm 1:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng dung tích 120 lít/thùng

- Kho lưu chứa:

+ 01 kho lưu chứa trong nhà diện tích 2 m^2 .

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho có kết cấu khung thép, mái tôn, tường tôn bao quanh, nền inox. Bên ngoài cửa kho có dán biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

b) Tại địa điểm 2:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa cứng dung tích 120 lít/thùng
- Kho lưu chứa:
 - + 01 kho lưu chứa trong nhà diện tích 4 m².
 - + Thiết kế, cấu tạo: Kho có kết cấu tường gạch, trần xi măng, nền láng xi măng, cửa thép. Bên ngoài cửa kho có dán biển cảnh báo theo đúng quy định.
- Phương án xử lý chất thải: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải đi xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị định kỳ, đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động ổn định, liên tục;
- Quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành;
- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường;
- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý sản phẩm, bao bì theo quy định của pháp luật.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật./.